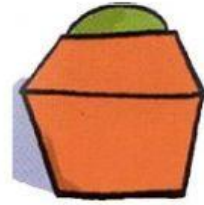
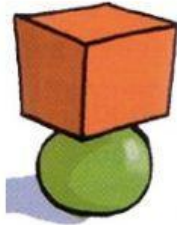
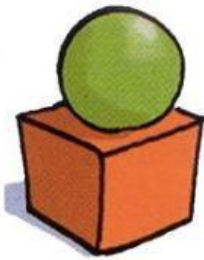


qián mian hòu mian
前 面 & 后 面



xià mian
下 面

qián mian
前 面

hòu mian
后 面

shàng mian
上 面



nán hái zài shù
男 孩 在 树 _____。

nǚ hái zài shù
女 孩 在 树 _____。



dà xiàng zài shù
大 象 在 树 _____。

xióng zài shù
熊 在 树 _____。

lǎo hǔ zài shù
老 虎 在 树 _____。

shī zi zài shù
狮 子 在 树 _____。

cháng jǐng lù zài shù
长 颈 鹿 在 树 _____。